KẾT QUẢ XÉT HỌC VỤ HỌC KỲ 1/2017-2018 @ KHÓA 2016

2018.01.19

1. DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC KỂ TỪ HỌC KỲ 2/2017-2018

Xem cột Kết luận

TT	MaHS	SoTheSV	Hoten	Tenlop	TongTCTN	TCnam	TongTCthie	TongTCTLuy	HangNam	SoTC	DiemTBTL	TongTC_Ky	DiemTBHT	DiemTBHT1	DiemTBHB	SoTCH	Die	TongT	TongTCk	CB161									Die	TN		Tluy_YC		Thoi_171_2	Thoi_171	Chiếu cơ	Csach	bao_171	171_t	bao_171			Đã CB?	Cử tuyển?	Không xét?	Kết luận
	107160050	107160050	Nguyễn Pha Phin	16H14	153.0	30.6	128.5	24.5	0.8	153.0	1.90		0.00	0.00	0				18.5											0		1.2		0						0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	107160240	107160240	Đào Tố Uyên	16SH	153.0	30.6	123.0	30.0	1.0	153.0	2.52		0.00	0.00	0				15.0											0		1.2		0						0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	109160154	109160154	Lê Đức Đạt	16X3B	150.0	30.0	138.0	12.0	0.4	150.0	2.08		0.00	0.00	0															0		1.2		0						0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	109160199	109160199	Trần Văn Thọ	16X3B	150.0	30.0	131.0	19.0	0.6	150.0	2.05		0.00	0.00	0				16.0											0		1.2		0						0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	111160118	111160118	Nguyễn Văn Tư	16X2	151.0	30.2	114.0	37.0	1.2	151.0	2.26		0.00	0.00	0				19.0											0		1.2		0						0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	107160252	107160252	Lê Thị Mỹ Hằng	16H2CLC	154.0	30.8	141.0	13.0	0.4	154.0	2.50	18.5	0.00	0.00	0	0		21.0	19.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	103160100	103160100	Nguyễn Đức Hoàng	16C4B	152.0	30.4	139.0	13.0	0.4	152.0	2.46	20.5	0.00	0.00	0	9		18.0	29.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	105160221	105160221	Lê Kim Quốc Cường	16TDHCLC1	150.0	30.0	137.0	13.0	0.4	150.0	1.85	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	105160238	105160238	Hồ Văn Khang	16TDHCLC1	150.0	30.0	137.0	13.0	0.4	150.0	1.77	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	105160239	105160239	Võ Mạnh Kiệt	16TDHCLC1	150.0	30.0	133.0	17.0	0.6	150.0	1.71	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	105160257	105160257	Nguyễn Thế Xuân Thước	16TDHCLC1	150.0	30.0	131.0	19.0	0.6	150.0	1.37	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	105160262	105160262	Huỳnh Đắc Vinh	16TDHCLC1	150.0	30.0	129.0	21.0	0.7	150.0	1.48	20.5	0.00	0.00	0	0		19.5	18.0										1		0		1.2		0				1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học